

Bản án số: 239/2021/DS-PT

Ngày: 15 - 6 - 2021

V/v tranh chấp thừa kế.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Mai Tiến Dũng**

Các Thẩm phán: Ông **Vũ Toàn Giang**

Ông **Lê Thanh Bình**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Mạnh Tuấn** - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà **Nguyễn Thị Ngọc Lan** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 526/2020/TLPT-DS ngày 30 tháng 11 năm 2020 về việc: Tranh chấp thừa kế.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 63/2020/DS-ST ngày 13 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 160/2021/QĐ-PT ngày 22 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

1. Anh **Tân Văn Vinh**, sinh 11/01/2001; địa chỉ: Thôn Quy Mông, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội; (vắng mặt)

2. Anh **Tân Văn Hiên**, sinh ngày 29/3/2002; địa chỉ: Thôn Quy Mông, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội; (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của anh Vinh và anh Hiên: Ông **Tân Văn Giáp**, sinh năm 1945; địa chỉ: Thôn Quy Mông, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội; (có mặt).

Bị đơn: Ông **Tân Văn Ất**, sinh năm 1948; địa chỉ: Thôn Quy Mông, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội; (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của ông Tân Văn Ất: Chị **Tân Thị Lý**, sinh năm 1977; địa chỉ: thôn Đỗ Xá, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội; (có mặt)

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Ất: Bà **Hồ Thuý Sen**- Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Hà Nội. Theo Quyết định số 832/QĐ-TGPL ngày 07/12/2020 về việc cử Trợ giúp viên pháp lý tham gia tố tụng; (có mặt)*

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:** Ông **Tân Văn Giáp**, sinh năm 1945; địa chỉ: Thôn Quy Mông, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội; (có mặt)*

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Giáp: Luật sư **Đỗ Viết Hải** và luật sư **Tạ Quốc Cường**, Công ty Luật hợp danh Sự Thật. Địa chỉ: số 8, ngách 1 ngõ 10, phố Hoàng Ngọc Phách, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. (vắng mặt)*

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà **Tân Thị Mận**, sinh năm 1951; địa chỉ: Thôn Quy Mông, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội; (có mặt)

2. Bà **Tân Thị Lựu**, sinh năm 1959; địa chỉ: số 7/161 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội; (có mặt)

3. Bà **Nguyễn Thị Tân**, sinh năm 1953; địa chỉ: Thôn Quy Mông, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội; (vắng mặt)

Do có kháng cáo của nguyên đơn là anh Tân Văn Vinh; bị đơn là ông Tân Văn Ất; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là ông Tân Văn Giáp; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Tân Thị Lựu, bà Tân Thị Mận.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và các lời khai của nguyên đơn anh Tân Văn Vinh và anh Tân Văn Hiến trình bày tại Tòa án như sau: Về quan hệ huyết thống: Ông nội anh là Tân Văn Chín, bà nội anh là Nguyễn Thị Gái. Ông bà anh sinh được 05 người con gồm: Bố anh Tân Văn Giáp, cô Tân Thị Mận, cô Tân Thị Lựu, chú Tân Văn Ất và cô Tân Thị Đào. Cô Tân Thị Đào là liệt sĩ, mất năm 1972. Ông nội Tân Văn Chín chết năm 2007. Bà nội Nguyễn Thị Gái, sinh năm 1919, chết ngày 26-12-2017 tại nhà riêng ở thôn Quy Mông, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội do tuổi già, đã đăng ký khai tử tại UBND xã Yên Thường, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

Trước khi chết khoảng 3 năm, ngày 14-12-2014, cụ Nguyễn Thị Gái đã lập di chúc bằng văn bản tại nhà riêng thôn Quy Mông, xã Yên Thường có sự chứng kiến của ông Hoàng Mậu Thành, Luật sư thuộc Văn phòng luật sư Phú Thành và ông Trần Văn Tư là nhân viên văn phòng luật sư Phú Thành. Nội dung bản di chúc là sau khi cụ Gái qua đời thì quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất mang tên Nguyễn Thị Gái, cụ Tân Văn Chín (đã chết) diện tích 236m² thuộc thửa số 29, tờ bản đồ số 03, địa

chỉ thôn Quy Mông, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội được chia đều (mỗi người một nửa) cho hai cháu là Tân Văn Vinh, sinh ngày 11/01/2001 và Tân Văn Hiến, sinh ngày 29/3/2002, hộ khẩu thường trú: Thôn Quy Mông, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

Tuy nhiên, trên thửa đất số 29, tờ bản đồ số 03, địa chỉ: Thôn Quy Mông, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội là di sản của cụ Nguyễn Thị Gái, ông Tân Văn Ất (là con trai của cụ Nguyễn Thị Gái) đã ngăn ra một nửa dùng để trồng cây và không cho các anh vào sử dụng. Các anh yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm công nhận nội dung bản di chúc của cụ Nguyễn Thị Gái và buộc ông Tân Văn Ất trả lại phần đất ông Ất đã chiếm dụng thuộc thửa đất trên. Đến nay, các anh vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án công nhận bản di chúc của bà nội là Nguyễn Thị Gái là hợp pháp, buộc ông Ất trả lại toàn bộ thửa đất cho anh em anh theo ý nguyện của bà nội các anh.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bố anh đề nghị Tòa án chia thừa kế theo pháp luật đối với phần di sản của ông nội là Tân Văn Chín trong thửa đất mà bà nội các anh đã để lại di chúc cho 2 anh em anh thì anh có ý kiến: Trong trường hợp Tòa án xác định ông nội anh còn quyền đối với thửa đất số 29 thì đề nghị Tòa án phân định phần tài sản của bà nội anh đến đâu thì đề nghị Tòa án chia theo di chúc của bà nội anh đến đó cho anh em các anh, phần của ông nội thì anh đề nghị Tòa án chia theo pháp luật theo yêu cầu của bố anh. Vì các anh còn nhỏ tuổi nên không đóng góp công sức tôn tạo đối với thửa đất, anh không có yêu cầu tính công sức tôn tạo, bảo quản di sản của ông bà nội các anh.

Đối với ý kiến của ông Ất khẳng định ông nội anh đã cho ông Ất 136m² đất trong tổng số 236m² của thửa đất số 29 thì anh không đồng ý. Lý do là nếu ông nội anh đã cho ông Ất một phần thửa đất trên thì phải có giấy tờ và phải làm thủ tục tách thửa đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Ất từ trước khi ông nội anh qua đời. Đối với bức tường ngăn cách thửa đất làm hai phần thì anh còn nhỏ không biết được vì sao có bức tường đó, do ai xây dựng, đề nghị Tòa án hỏi bố anh về phần này. Đối với các công trình, cây cối trên thửa đất số 29 đang tranh chấp, nếu Tòa án giao cho anh và em anh phần đất trên có công trình, cây cối của ông Ất thì anh không đồng ý hoàn trả giá trị công trình, cây cối đó vì việc xây dựng, trồng trọt trên đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên ông Ất là không đúng pháp luật nên không thể được chấp nhận. Việc ông Ất xây dựng công trình và trồng cây trên đất có ai phản đối hay không thì anh còn nhỏ, phải đi học nên không biết gì.

Đối với công sức quản lý, tôn tạo đất của ông Ất: anh khẳng định đất của ông bà nội anh nên ông Ất không có công sức quản lý, tôn tạo đối với thửa đất như ông Ất đã trình bày. Từ khi ông bà nội anh qua đời đến nay đất vẫn vậy, anh không thấy ai

tôn tạo, san lấp xây dựng gì trên đất, hiện trạng công trình trên đất như trước khi ông bà anh qua đời. Còn thời gian trước nữa thì anh không biết. Ngoài các ý kiến đã trình bày, anh không biết được nội dung gì khác do còn ít tuổi, không chứng kiến hết các sự kiện trong gia đình, anh đồng ý với lời trình bày của bố anh ông Tân Văn Giáp.

Bị đơn là ông Tân Văn Ất và người đại diện theo ủy quyền là chị Tân Thị Lý trình bày tại Tòa án: Về quan hệ huyết thống: Ông Ất và chị Lý thống nhất với lời trình bày của bên nguyên đơn. Về nguồn gốc thửa đất: Thửa đất số 29, tờ bản đồ số 03, có diện tích 236m² địa chỉ tại: Thôn Quy Mông, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội là 1 mảnh vườn của ông bà nội chị là cụ Tân Văn Chín và cụ Nguyễn Thị Gái để lại cho bố mẹ chị. Thửa đất trên đã được Ủy ban nhân dân huyện Gia Lâm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông Tân Văn Chín ngày 03-12-2003. Bố mẹ chị quản lý sử dụng mảnh đất trên tới ngày 22-12-2005 thì cụ Chín, cụ Gái phân chia thửa đất này cho các con, cụ thể: ông Ất được chia 136m² còn 100m² giao cho ông Ất và ông Giáp thay phiên nhau sử dụng và nộp tiền hoa lợi, tiền đó dùng để thờ cúng em gái là liệt sĩ Tân Thị Đào. Đối với 100m² đất này sau khi ông Ất và ông Giáp đã già yếu sẽ giao cho cháu Vinh và cháu Hiền là con ông Giáp sử dụng và hai cháu có trách nhiệm làm giỗ cho cô Đào. Việc phân chia này có lập văn bản tên “Lời dặn của bố mẹ”, cụ Chín có ký tên, ông Giáp có ký tên và ông có ký tên, còn những người không ký tên là bà Mận, bà Lựu, và mẹ ông là cụ Nguyễn Thị Gái. Văn bản có xác nhận của trưởng thôn ông Đỗ Văn Chính. Thời điểm thực hiện việc phân chia này, có mặt bố ông, mẹ ông, ông, ông Giáp, bà Mận, bà Lựu và các cháu nhưng ông không nhớ rõ là những cháu nào, có cả cháu Lý là con gái ông có mặt. Bà Mận, bà Lựu và mẹ ông không ký vào văn bản trên vì bố ông nói không cần mẹ ông và các em gái ký, bố ông quyết là được. Trong văn bản có chữ ký của ông Đặng Văn Quý, ông Quý không có mặt khi bố ông chia đất cho anh em ông nhưng ông Quý được bố ông gọi đến để xây tường ngăn chia mảnh đất thành 2 phần như ý bố ông. Sau buổi phân chia ngày 22-12-2005, ông Quý đến xây tường ngăn đất cùng 1 số thợ khác như anh Nam, anh Thuần. Những người này vẫn đang sinh sống tại thôn Quy Mông, xã Yên Thường. Hiện nay, ông đang trực tiếp quản lý, sử dụng 136m² theo đúng ranh giới mà bố ông đã gọi thợ đến xây tường bao từ năm 2005. Phần 100m² do ông Giáp trực tiếp quản lý sử dụng. Năm 2007, bố ông qua đời, không để lại di chúc. Năm 2017, mẹ ông qua đời, có để lại di chúc hay không ông không biết, ông là con cũng không được thông báo về nội dung di chúc cho đến khi tòa án thông báo thụ lý vụ án đối với yêu cầu của anh Vinh và anh Hiền thì ông mới biết mẹ ông có di chúc, còn không biết di chúc là thật hay giả.

Như vậy, toàn bộ diện tích đất 236m² hiện anh Tân Văn Vinh và anh Tân Văn Hiền đang kiện chia thừa kế theo di chúc của mẹ ông là cụ Nguyễn Thị Gái đã được

phân chia khi bố mẹ ông còn sống. Vì vậy, khi bố mẹ ông qua đời, bố mẹ ông không còn để lại tài sản nào khác để phân chia thừa kế. Cho nên ông không đồng ý với yêu cầu chia thừa kế theo di chúc của anh Tân Văn Vinh và anh Tân Văn Hiền đối với thửa đất nêu trên. Ngoài ra, ông không có yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là ông Tân Văn Giáp trình bày: Bố ông là ông Tân Văn Chín, mất năm 2007 và mẹ ông là bà Nguyễn Thị Gái, mất năm 2017. Bố mẹ ông có 05 người con chung là: Ông Tân Văn Giáp, sinh năm 1945; em trai Tân Văn Ất, sinh năm 1948; em gái Tân Thị Mận, sinh năm 1951; em gái Tân Thị Lựu, sinh năm 1959; em gái Tân Thị Đào, mất năm 1972 (là liệt sĩ, khi chưa có chồng, con). Ngoài con chung, ông bà không có con nuôi, con riêng nào khác. Sinh thời bố mẹ ông có tài sản chung là thửa đất số 29, tờ bản đồ số 03 diện tích là 236m² có địa chỉ tại: Thôn Quy Mông, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hộ gia đình ông Tân Văn Chín. Vì đất của bố mẹ ông, không phải là tài sản chung của hộ gia đình nên đến năm 2010, mẹ ông có đính chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên chủ sử dụng đất là mẹ ông Nguyễn Thị Gái và bố ông Tân Văn Chín nhưng lúc đó bố ông đã qua đời. Thửa đất số 29 nêu trên chỉ là cái vườn trồng cây ngắn ngày. Khi còn sống, bố mẹ ông vẫn sử dụng để trồng trọt. Năm 2005, ông Ất ép bố ông chia đất và xây bức tường ngăn để chia thửa đất làm hai phần. Ông Ất ép quá nên bố ông phải gọi thợ đến để xây tường ngăn vườn làm hai và ép bố ông giao cho ông Ất phần đất rộng hơn phía trong cao khoảng 60cm. Phía ngoài thửa đất, bố ông có ý nguyện để làm suất thờ cúng cho cô Đào, ai sử dụng canh tác thì phải trả hoa lợi để thờ cúng cô Đào, sau này sẽ giao lại cho hai con trai của ông là Hiền và Vinh để lo thờ cúng cô Đào. Kể từ sau khi bố ông xây tường ngăn đất thì gia đình ông Ất sử dụng nửa phía trong, còn bố mẹ ông và gia đình ông sử dụng phần phía ngoài. Ngoài ra, trên đất còn có một mảng tường bao do bố ông xây dựng từ xa xưa, những bức tường còn lại do ông Ất xây. Ông không xây tường hay công trình gì trên đất. Ông Ất có trồng một số cây to từ năm 2009. Ông khẳng định không có chuyện bố ông lập văn bản để chia cho ông Ất 136m² còn 100m² để lại thờ cúng cô Đào như phía ông Ất vẫn nêu ra. Ông không ký vào văn bản “Lời dặn của bố”, bố ông không biết chữ, nếu bảo bố ông chép lại chữ thì bố ông bắt chước theo được chứ không ký tự nhiên được. Ông khẳng định trước khi bố ông qua đời, bố ông chưa hề phân chia thửa đất số 29 cho các con. Sau khi bố ông qua đời, ông Ất vẫn tiếp tục sử dụng phần đất phía trong bức tường còn phần đất phía ngoài bức tường thì mẹ ông và vợ chồng ông trồng cây ngắn ngày. Năm 2007, bố ông qua đời không để lại di chúc, phần đất của bố ông trong tổng diện tích 236m² chưa chia cho hàng thừa kế của bố ông. Năm 2009, mẹ ông đứng đơn khởi kiện chia thừa kế di sản của bố ông trong khối tài sản chung của bố mẹ ông là

thửa đất số 29 nêu trên. Đến năm 2017, mẹ ông rút đơn khởi kiện và Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án, di sản của bố ông để lại trong khối tài sản chung của bố mẹ ông chưa được phân chia. Trong quá trình giải quyết vụ kiện trên, mẹ ông đã tự phá bức tường ngăn thửa đất số 29 nên bức tường như hiện trạng tòa về thẩm định chỉ cao khoảng 30cm. Ngày 14 tháng 12 năm 2014, mẹ ông đã lập di chúc để cho hai con ông là Tân Văn Vinh và Tân Văn Hiển toàn bộ thửa đất số 29, tờ bản đồ số 03, diện tích 236m² là tài sản chung của bố ông và mẹ ông. Đến năm 2017, mẹ ông qua đời, không lập di chúc nào khác ngoài di chúc đã lập ngày 14-12-2014. Do ông Ất không chịu trả lại thửa đất để thực hiện di chúc của mẹ ông giao đất cho hai con ông nên các con ông là Hiển và Vinh đã khởi kiện chia thừa kế theo di chúc của mẹ ông và đề nghị Tòa án buộc ông Ất phải trả lại toàn bộ 236m² đất trên. Quá trình giải quyết vụ án, ông đã hiểu rõ quy định pháp luật về tài sản chung vợ chồng nên ông biết, mẹ ông chỉ có quyền quyết định đối với phần tài sản của mẹ ông chứ không được định đoạt cả phần tài sản của bố ông để lại, phần tài sản của bố ông vẫn chưa được chia thừa kế nên ông đã khởi kiện yêu cầu chia thừa kế đối với phần tài sản của bố ông trong tổng số 236m². Đề nghị Tòa án xem xét xác định phần tài sản của bố ông và mẹ ông trong tổng khối tài sản 231.7m² đất (theo diện tích thực tế do Tòa án đo đạc), chia thừa kế theo di chúc đối với phần tài sản của mẹ ông và chia thừa kế theo pháp luật đối với phần tài sản của bố ông. Khi Tòa án chia thừa kế di sản của bố ông, ông xin nhận thừa kế và ông xin nhận bằng hiện vật. Ông tự nguyện cho hai con là Tân Văn Hiển và Tân Văn Vinh phần di sản mà ông được chia, đề nghị Tòa án chấp nhận sự tự nguyện của ông. Đối với công sức tôn tạo đất, thì thời điểm tôn tạo đất diễn ra trong khoảng những năm 1970-1980, là giúp đỡ bố mẹ ông, từ sau khi bố ông qua đời đến nay không có ai đổ đất san nền nữa nên ông không có yêu cầu xác định công sức quản lý, trông nom, tôn tạo đối với di sản của bố mẹ ông.

Bố mẹ ông ở với vợ chồng ông, chứ không ở với vợ chồng ông Ất. Khi bố mẹ ông ốm đau, qua đời, lo ma chay cũng như cúng giỗ sau này đều do ông là người lo kinh tế, ông Ất không hề đóng góp tiền để lo cho bố mẹ lúc ốm đau, ma chay, cúng giỗ. Tuy nhiên, ông xác định đây là nghĩa vụ của con cái với bố mẹ nên ông không yêu cầu tính công sức chăm sóc, ông chỉ xin hưởng thừa kế của bố ông đến đâu thì ông hưởng đến đó. Đối với các ý kiến của ông Ất ông đều bác bỏ, không công nhận ý kiến nào.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tân Thị Mận và bà Tân Thị Lựu trình bày tại Tòa án như sau: Các bà thống nhất với lời trình bày của ông Giáp về quan hệ huyết thống, về nguồn gốc thửa đất số 29, tờ bản đồ số 03, thôn Quy Mông, xã Yên Thường và trình bày của nguyên đơn về di chúc của cụ Nguyễn Thị Gái. Các bà khẳng định bản di chúc của cụ Gái do anh Hiển, anh Vinh nộp cho Tòa án là đúng

với ý chí của cụ Nguyễn Thị Gái. Nếu được quyền thừa kế phần nào của mảnh đất thì các bà xin nhận bằng đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Tân trình bày: Mảnh đất 136m² trên diện tích 236m² từ lúc cụ Tân Văn Chín cho, vợ chồng và con gái, con rể sử dụng cho đến bây giờ và chính cụ đã xây tường ngăn cách 136m² và 100m² riêng trong ngày giỗ của em chồng bà là cô Tân Thị Đào ngày 22-12-2005 trong cuộc họp gia đình đông đủ tất cả các con cháu, cụ ông đã viết vào bản tuyên bố cho vợ chồng bà 136m² trên 236m² và tự cụ đã trực tiếp thuê thợ xây tường cho vợ chồng bà. Mảnh đất 236m² lúc bà về làm dâu 1976 chỉ là một mảnh đất nhiều hố bom sâu. Bắt đầu từ năm bà về bố mẹ bà gọi vợ chồng bà tuyên bố đồ đất cai quản, sử dụng vì liên kết với mảnh đất vợ chồng bà đang ở. Vợ chồng bà sử dụng tu bổ từ năm 1976 đến năm 2005 bố mẹ bà mới phân chia tách riêng 136m² trên 236m² đó cho vợ chồng ông sử dụng mãi mãi. Vậy xin quý tòa xem xét và giải quyết theo pháp luật công sức giữ gìn, tôn tạo trên mảnh đất 236m² thửa số 29, tờ bản đồ số 3 tại thôn Quy Mông, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm. Mảnh đất vợ chồng bà bỏ bao nhiêu công sức quá vất vả nhưng vì vợ chồng bà nghĩ là đất của cha ông bố mẹ để lại nên vợ chồng bà mới vất vả như thế không thì thôi, bây giờ công sức và tiền của vợ chồng bà bỏ ra còn mua được mảnh đất to hơn thế. Bà cam đoan những lời bà viết trên là sự thật.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế theo di chúc đối với phần di sản của cụ Nguyễn Thị Gái để lại. Ông Giáp yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với phần di sản của cụ Tân Văn Chín để lại trong khối tài sản chung với cụ Gái. Bị đơn không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu của ông Giáp vì tài sản đã được chia.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 63/2020/ DS-ST ngày 13/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội đã quyết định:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Tân Văn Vinh và anh Tân Văn Hiên đối với ông Tân Văn Ất về việc yêu cầu chia thừa kế tài sản theo di chúc do cụ Nguyễn Thị Gái để lại. Xác định di chúc của cụ Nguyễn Thị Gái để lại ngày 14-12-2014 là không hợp pháp.

2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Tân Văn Giáp (là người có quyền và nghĩa vụ liên quan) đối với ông Tân Văn Ất về việc yêu cầu chia thừa kế tài sản của cụ Tân Văn Chín để lại theo pháp luật.

3. Cụ Tân Văn Chín chết năm 2007; hàng thừa kế thứ nhất của cụ Chín gồm: Cụ Nguyễn Thị Gái và 04 người con là các ông bà Tân Văn Giáp, Tân Văn Ất, Tân Thị Mận và Tân Thị Lựu. Cụ Nguyễn Thị Gái chết năm 2017; hàng thừa kế thứ nhất của cụ Gái gồm có 04 người con là các ông bà Tân Văn Giáp, Tân Văn Ất, Tân Thị Mận và Tân Thị Lựu. Bà Tân Thị Đào (là con của cụ Chín và cụ Gái) là liệt sỹ, hy

sinh năm 1972 (trước khi cụ Chín và cụ Gái chết), không có chồng con nên không được hưởng thừa kế di sản của cụ Chín và cụ Gái.

4. Di sản thừa kế cụ Chín và cụ Gái gồm có: 236m² đất (đo hiện trạng thực tế là 231.7m² đất trị giá 2.317.000.000 đồng) thuộc thửa đất số 29, tờ bản đồ số 03, địa chỉ tại: Thôn Quy Mông, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội đã được UBND huyện Gia Lâm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp Giấy: 00327-QSĐĐ/2042 ngày 03-12-2003 đứng tên hộ gia đình ông Tân Văn Chín; ngày 11-02-2010, Phòng TNMT huyện Gia Lâm đã đính chính tên chủ sử dụng đất là bà Nguyễn Thị Gái và ông Tân Văn Chín (đã chết) và 03 bức tường trị giá: 231.747 đồng.

5. Tạo ngõ đi chung rộng 02 mét nối liền ngõ đi của xóm chạy dài đến hết thửa đất có diện tích 41m².

6. Thanh toán công sức tôn tạo, quản lý, duy trì, bảo quản di sản thừa kế cho ông Tân Văn Ất = 63.6m² đất.

7. Di sản của cụ Chín và cụ Gái còn lại là 127.1m² đất trị giá: 1.271.000.000 đồng; mỗi người được hưởng 63.6m² đất = 635.500.000 đồng. Phần di sản cụ Chín được chia thừa kế theo pháp luật cho: Cụ Gái, ông Giáp, ông Ất, bà Mận, bà Lụa, mỗi người được hưởng 01 kỷ phần 12.72m² đất. Cụ Gái được hưởng tổng cộng: 76.32m² đất; ông Ất được hưởng tổng cộng: 76.32m² đất; ông Giáp, bà Mận và bà Lụa, mỗi người được hưởng: 12.72m² đất.

8. Chia bằng hiện vật cụ thể như sau:

+ Tạo ngõ đi chung rộng 02 mét nối liền ngõ đi của xóm chạy dài đến hết thửa đất có diện tích 41m² có vị trí, kích thước, mốc giới được xác định bởi các điểm: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 22, 21, 20, 19, 18, 17, 16, 15, 1;

+ Chia cho ông Tân Văn Ất được quyền sử dụng 74.5m² đất có vị trí, kích thước, mốc giới được xác định bởi các điểm: 15, 16, 17, 11, 12, 13, 14, 15. Ông Ất được quyền sở hữu bức tường 1.7m² của cụ Chín để lại;

+ Chia cho ông Tân Văn Giáp được quyền sử dụng 40m² đất có vị trí, kích thước, mốc giới được xác định bởi các điểm: 17, 18, 19, 20, 10, 11, 17. Ông Giáp được quyền sở hữu hai bức tường 2.7m² và 2.5m² của cụ Chín để lại và 01 cây sưa của ông Ất. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Tân Văn Giáp tặng cho anh Tân Văn Vinh và anh Tân Văn Hiền 40m² đất được chia;

+ Phần diện tích 76.32m² đất là di sản của cụ Gái thuộc quyền sử dụng chung của những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Gái gồm các ông bà Giáp, Ất, Mận, Lụa có vị trí, kích thước, mốc giới được xác định bởi các điểm: 20, 21, 22, 7, 8, 9, 10, 20. Tạm giao cho ông Tân Văn Ất quản lý và sử dụng phần diện tích đất trên cho đến khi có sự thỏa thuận phân chia tài sản thừa kế của những người thuộc hàng

thừa kế thứ nhất của cụ Gái hoặc khi có quyết định của Tòa án chia thừa kế theo pháp luật đối với 76.32m² đất trên. *(Có sơ đồ đo vẽ phân chia kèm theo)*

9. Ông Giáp phải thanh toán chênh lệch giá trị tài sản cho bà Mận và bà Lụa, mỗi người là: 127.223.174 đồng.

10. Ông Giáp phải thanh toán chênh lệch giá trị tài sản cho ông Ất số tiền là: 18.880.000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo, thi hành án của các đương sự.

Không đồng ý với quyết định của bản án dân sự, các đương sự kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm:

- Theo đơn kháng cáo của nguyên đơn là anh Tân Văn Vinh đề ngày 24/8/2020: kháng cáo một phần bản án sơ thẩm số 63/2020/DS-ST ngày 13/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết bao gồm: sửa án sơ thẩm theo hướng:

+ Chấp nhận một phần bản di chúc lập ngày 26/12/2017 của bà Nguyễn Thị Gái (bà nội anh Vinh) để anh được nhận quyền sử dụng đất theo di chúc và theo quy định của pháp luật.

+ Ông Tân Văn Ất không có công sức đóng góp và không được chia phần công sức đóng góp trong di sản của ông bà nội anh là quyền sử dụng thửa đất diện tích 236m², số thửa 29, tờ bản đồ số 03 được UBND huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00327 QSD Đ/2042 cấp ngày 03/12/2003 mang tên ông Tân Văn Chín và bà Nguyễn Thị Gái.

- Theo đơn kháng cáo của bị đơn là ông Tân Văn Ất đề ngày 26/8/2020: kháng cáo bản án sơ thẩm số 63/2020/DS-ST ngày 13/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết bao gồm: công nhận cho ông được quyền sử dụng 136m² đất do bố mẹ ông để lại theo văn bản (lời dặn của bố mẹ), xem xét theo nguyện vọng cho ông và phân chia di sản của bố mẹ ông để lại.

- Theo đơn kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là ông Tân Văn Giáp đề ngày 24/8/2020: kháng cáo một phần bản án sơ thẩm số 63/2020/DS-ST ngày 13/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết bao gồm:

+ Sửa bản án sơ thẩm theo hướng xác định ông Tân Văn Ất không có công sức đóng góp và không được chia phần công sức đóng góp trong di sản của bố mẹ ông là quyền sử dụng thửa đất diện tích 236m², số thửa 29, tờ bản đồ số 03 được UBND huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00327 QSD Đ/2042 cấp ngày 03/12/2003 mang tên ông Tân Văn Chín và bà Nguyễn Thị Gái.

+ Chia lại phần di sản của Tân Văn Chín là quyền sử dụng đất cấp cho ông Tân Văn Chín và bà Nguyễn Thị Gái theo quy định pháp luật.

- Theo đơn kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Tân Thị Lựu đề ngày 24 /8/2020, bà Tân Thị Mận đề ngày 25/8/2020 : kháng cáo một phần bản án sơ thẩm số 63/2020/DS-ST ngày 13/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết bao gồm: Sửa bản án sơ thẩm theo hướng xác định ông Tân Văn Ất không có công sức đóng góp và không được chia phần công sức đóng góp trong di sản của bố mẹ các bà để lại để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các bà trong vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, ông Giáp giữ nguyên yêu cầu độc lập. Các đương sự kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Ông Giáp, bà Mận, bà Lựu nộp “Đơn xin không chia thừa kế” nhưng trình bày vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện, đơn yêu cầu độc lập và đơn kháng cáo.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Ất là chị Lý trình bày nếu ông Giáp rút đơn khởi kiện, rút yêu cầu độc lập thì chị không chấp nhận và yêu cầu Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật. Về đơn kháng cáo của ông Ất thì ông Ất đã gửi đơn xin rút yêu cầu kháng cáo và nay tại phiên tòa chị vẫn được ông Ất ủy quyền toàn bộ và nhất trí rút kháng cáo của ông Ất.

+ Các đương sự không thỏa thuận giải quyết vụ kiện, không xuất trình tài liệu chứng cứ khác.

+ Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa. Ông Giáp không yêu cầu luật sư và tự mình thực hiện quyền nghĩa vụ tại phiên tòa.

+ Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Hội đồng xét xử phúc thẩm, thư ký Tòa án và các đương sự và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Tại phiên tòa người kháng cáo là ông Giáp, bà Lựu, bà Mận trình bày: ông, bà không đồng ý chia thừa kế di sản của Chín và cụ Gái nữa, nhưng lại không đồng ý rút đơn kháng cáo, ông Giáp không rút yêu cầu độc lập, anh anh Hiền anh Vinh không có Đơn xin rút yêu cầu khởi kiện. Thẩm phán chủ tọa phiên tòa hỏi ý kiến đại diện theo ủy quyền bị đơn chị Tân Thị Lý về việc đại diện của nguyên đơn không đồng ý chia thừa kế, chị Lý không đồng ý, chị Lý đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử theo quy định, nếu nguyên đơn rút đơn khởi kiện, ông Giáp rút yêu cầu

độc lập chị cũng không nhất trí. Mặt khác trong nội dung ủy quyền của anh Vinh, anh Hiền không có nội dung ủy quyền về việc rút đơn khởi kiện nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định của pháp luật tiếp tục xét xử.

Ông Ất xin rút đơn kháng cáo. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 289 BLTTDS Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông Ất.

- Xét đơn kháng cáo của anh Tân Văn Vinh, ông Tân Văn Giáp, bà Tân Thị Lưu, bà Tân Thị Mận:

Xét di chúc ngày 14/12/2014 của cụ Nguyễn Thị Gái: bản di chúc do cụ Gái nhờ người đánh máy thể hiện ý chí và nguyện vọng của mình đối với toàn bộ thửa đất tranh chấp diện tích 236m². Tuy nhiên thửa đất số 29, tờ bản đồ số 3, diện tích 236m² là tài sản chung của cụ Chín và cụ Gái. Cụ Gái định đoạt toàn bộ diện tích 236m² cho 2 cháu là Tân Văn Vinh và Tân Văn Hiền là vượt quá thẩm quyền. Mặt khác cụ Gái là người không biết chữ (*theo lời khai tại phiên tòa sơ thẩm của ông Giáp, bà Mận, bà Lưu, chị Lý*) nên di chúc được coi là hợp pháp phải được công chứng hoặc chứng thực (khoản 3 Điều 652BLDS 2005). Do vậy, di chúc của cụ Gái vô hiệu, không chấp nhận kháng cáo của anh Vinh.

Ông Giáp, bà Lưu, bà Mận không đồng ý với TA sơ thẩm về việc tính công sức tôn tạo thửa đất cho ông Ất là 1/3 thửa đất: Nhận thấy theo tài liệu chứng cứ là xác nhận của hàng xóm xung quanh và họ hàng của ông Ất thể hiện thửa đất trước đây là hồ bom trứng, ông Ất và vợ con phải bỏ nhiều công sức để đắp đất, san nền đối với toàn bộ thửa đất, trồng cây, cải tạo đất trong nhiều năm. Tại phiên tòa ông Giáp cũng thừa nhận đến năm 2005 cụ Chín mới cho xây bức tường ngăn phân chia thửa đất làm hai. Bà Mận và bà Lưu cũng biết cụ Chín và cụ Gái cho ông Ất sử dụng thửa đất đó để trồng rau nuôi các cháu. Bản thân ông Ất được chính quyền địa phương ghi sổ và lập bản đồ địa chính là chủ sử dụng đất vào năm 1986, sau đó ông Ất đã kê khai chuyển quyền sử dụng đất cho cụ Chín vào năm 1993-1994. Do vậy, công sức của ông Ất là rất lớn, TA cấp sơ thẩm tính công sức tôn tạo cho ông Ất là 1/3 thửa đất là có căn cứ nên không chấp nhận kháng cáo của ông Giáp, bà Lưu, bà Mận.

Từ những căn cứ trên, đề nghị HĐXX: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 289 BLTTDS, K1 Đ 308 BLTTDS:

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông Ất.
- Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 63/2020/DS-ST ngày 13/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm giải quyết vụ kiện, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng:** Những người kháng cáo nộp đơn kháng cáo và tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm trong thời hạn quy định của pháp luật nên được chấp nhận đơn

kháng cáo hợp lệ. Các đương sự, luật sư đã được tổng đạt hợp lệ đến phiên tòa lần 2 nhưng vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử theo quy định chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Giáp, bà Mận, bà Lựu nộp “Đơn xin không chia thừa kế” nhưng trình bày vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, đơn yêu cầu độc lập và đơn kháng cáo. Người đại diện theo ủy quyền của ông Ất là chị Lý trình bày nếu ông Giáp rút đơn khởi kiện, rút yêu cầu độc lập thì chị không chấp nhận và yêu cầu Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định ông Giáp, bà Mận, bà Lựu vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình.

Đối với kháng cáo của ông Tân Văn Ất: Ông Ất đã gửi đơn xin rút yêu cầu kháng cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Tân Thị Lý đại diện theo ủy quyền của ông Ất xác định ông Tân Văn Ất hoàn toàn tự nguyện rút đơn kháng cáo và chị nhất trí rút kháng cáo của ông Ất. Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông Tân Văn Ất.

[2] **Về nội dung:** Xét nội dung kháng cáo của các đương sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[2.1]. *Về quan hệ huyết thống:* Cụ Tân Văn Chín, chết năm 2007 và vợ là cụ Nguyễn Thị Gái, chết năm 2017 sinh được 05 người con chung là: 1. Ông Tân Văn Giáp, sinh năm 1945; 2. Ông Tân Văn Ất, sinh năm 1948; 3. Bà Tân Thị Mận, sinh năm 1951; 4. Bà Tân Thị Lựu, sinh năm 1959; 5. Bà Tân Thị Đào, mất năm 1972 (là liệt sĩ, khi chưa có chồng, con). Ngoài ra, cụ Chín và cụ Gái không có con nuôi, con riêng nào khác.

[2.2]. *Về hàng thừa kế:* Cụ Tân Văn Chín chết năm 2007, hàng thừa kế thứ nhất của cụ Chín gồm: Cụ Gái và 4 người con là các ông bà Giáp, Ất, Mận, Lựu. Năm 2017, cụ Nguyễn Thị Gái chết, hàng thừa kế thứ nhất của cụ Gái gồm có 4 người con là các ông bà Giáp, Ất, Mận, Lựu. Bà Tân Thị Đào là liệt sỹ, hy sinh năm 1972 (trước khi cụ Chín và cụ Gái chết), không có chồng con nên không được hưởng thừa kế di sản của cụ Chín và cụ Gái.

[2.3]. *Về thời hiệu khởi kiện yêu cầu chia thừa kế:* Theo quy định tại khoản 1 Điều 623 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản đối với bất động sản là 30 năm. Cụ Chín chết năm 2007, thời điểm mở thừa kế di sản của cụ Chín để lại là năm 2007. Cụ Gái chết năm 2017 nên thời điểm mở thừa kế di sản của cụ Gái để lại là năm 2017. Ngày 10-4-2019, anh Vinh và anh Hiên có đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế theo di chúc của cụ Gái để lại. Ngày 14-11-2019, ông Giáp có đơn yêu cầu độc lập yêu cầu chia di sản của cụ Chín để lại theo pháp luật. Như vậy, anh Vinh, anh Hiên và ông Giáp nộp đơn khởi kiện và đơn yêu cầu độc lập là trong thời hiệu khởi kiện theo quy định của pháp luật.

[2.4]. *Về di sản thừa kế*: Các đương sự đều thống nhất tài sản chung của cụ Chín và cụ Gái khi còn sống là 236m² đất (đo hiện trạng thực tế là 231.7m² đất) thuộc thửa đất số 29, tờ bản đồ số 03, địa chỉ tại: Thôn Quy Mông, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội đã được UBND huyện Gia Lâm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp Giấy: 00327-QSĐĐ/2042 ngày 03-12-2003 đứng tên hộ gia đình ông Tân Văn Chín. Ngày 11-02-2010, Phòng TNMT huyện Gia Lâm đã đính chính tên chủ sử dụng đất là bà Nguyễn Thị Gái và ông Tân Văn Chín (đã chết). Các đương sự đều khẳng định là quyền sử dụng đất là của cụ Chín - cụ Gái và không có ý kiến thắc mắc gì về nguồn gốc đối với tài sản trên. Nay, cụ Chín và cụ Gái đã chết nên quyền sử dụng thửa đất trên được xác định là di sản thừa kế của cụ Chín và cụ Gái để lại.

[2.5]. *Xét yêu cầu khởi kiện của anh Vinh, anh Hiền*: Anh Tân Văn Vinh và anh Tân Văn Hiền yêu cầu chia thừa kế theo di chúc của cụ Nguyễn Thị Gái để lại như sau: Ngày 14-12-2014, cụ Nguyễn Thị Gái lập bản di chúc do ông Hoàng Mậu Thành – Luật sư Văn phòng Luật sư Phú Thành đến đánh máy tại nhà riêng của cụ Gái là Thôn Quy Mông, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm, Hà Nội. Nội dung di chúc thể hiện: Bà Nguyễn Thị Gái để lại toàn bộ tài sản là quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà mang tên Nguyễn Thị Gái và ông Tân Văn Chín (đã chết) thuộc thửa đất số 29, tờ bản đồ số 03, diện tích 236m², mục đích sử dụng đất ở tại: Thôn Quy Mông, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm, Hà Nội cho anh Tân Văn Vinh – sinh ngày 11-01-2001 và anh Tân Văn Hiền – sinh ngày 29-3-2002, mỗi người một nửa. Bản di chúc trên do bà Gái điểm chỉ và được ông Hoàng Mậu Thành – Trưởng Văn phòng Luật sư Phú Thành và ông Trần Văn Tư – Nhân viên Văn phòng Luật sư Phú Thành ký làm chứng.

Ông Tân Văn Giáp, bà Tân Thị Mận, bà Tân Thị Lựu khẳng định có bản di chúc của cụ Gái để lại tài sản cho anh Vinh và anh Hiền được các luật sư lập tại nhà thể hiện đúng ý chí của cụ Gái. Ông Tân Văn Ất không chấp nhận nội dung bản di chúc và cho rằng không có bản di chúc như trên và cũng không ai thông báo cho ông biết nội dung bản di chúc. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu HĐXX xem xét chấp nhận một phần di chúc của cụ Gái đối với 1/2 giá trị tài sản trong khối tài sản chung của cụ Chín và cụ Gái. Yêu cầu thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên chấp nhận.

Xét tính hợp pháp của bản di chúc trên, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bản di chúc trên do cụ Gái nhờ người đánh máy thể hiện ý chí và nguyện vọng của mình đối với khối tài sản là 236m² đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của cụ Gái và cụ Tân Văn Chín. Cụ Gái đã điểm chỉ vào di chúc và có hai người ký làm chứng. Đây là di chúc có người làm chứng theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005. Tuy nhiên, nội

dung di chúc thể hiện cụ Gái định đoạt toàn bộ diện tích 236m² đất là tài sản chung của cụ Gái và cụ Chín là vượt quá thẩm quyền. Mặt khác, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai tại phiên tòa của ông Giáp, bà Mận, bà Lựu, chị Lý đều khẳng định cụ Nguyễn Thị Gái là người không biết chữ. Theo quy định tại khoản 3 Điều 652 của Bộ luật Dân sự năm 2005 thì: Di chúc của người bị hạn chế về thể chất hoặc của người không biết chữ phải được người làm chứng lập thành văn bản và có công chứng hoặc chứng thực. Như vậy, việc cụ Gái lập di chúc bằng văn bản có 02 người làm chứng nhưng không tiến hành thực hiện việc công chứng và chứng thực di chúc theo quy định của pháp luật là không đảm bảo về hình thức của di chúc nên di chúc trên không hợp pháp. Do di chúc của cụ Nguyễn Thị Gái không hợp pháp nên không có giá trị pháp lý, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Vì vậy, anh Tân Văn Vinh và anh Tân Văn Hiển khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo di chúc ngày 14-12-2014 do cụ Nguyễn Thị Gái để lại là không có cơ sở. Hội đồng xét xử sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Vinh và anh Hiển là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Di chúc của cụ Nguyễn Thị Gái không hợp pháp nên di sản của cụ Gái để lại sẽ được chia thừa kế theo pháp luật. Tuy nhiên, anh Vinh và anh Hiển không phải là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Gái nên không có quyền yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật di sản của cụ Gái để lại. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án, những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Gái không có yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Gái để lại theo pháp luật nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét và giải quyết. Những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Gái gồm ông Giáp, ông Ất, bà Mận, bà Lựu có thể tự thỏa thuận phân chia hoặc khởi kiện chia thừa kế di sản của cụ Gái để lại theo quy định của pháp luật bằng một vụ án dân sự khác.

[2.6]. *Xét yêu cầu độc lập của ông Tân Văn Giáp*: Quá trình giải quyết vụ án, ngày 14-11-2019, ông Tân Văn Giáp có đơn yêu cầu độc lập về việc chia thừa kế theo pháp luật di sản của cụ Tân Văn Chín để lại trong khối tài sản chung của cụ Tân Văn Chín và cụ Nguyễn Thị Gái là thửa đất số 29, tờ bản đồ số 03, địa chỉ tại: Thôn Quy Mông, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm, Hà Nội. Như đã nhận định ở trên, thửa đất số 29, tờ bản đồ số 03, diện tích 236m² (đo hiện trạng thực tế là 231.7m²), mục đích sử dụng: đất ở tại: Thôn Quy Mông, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm, Hà Nội là tài sản chung của cụ Nguyễn Thị Gái và cụ Tân Văn Chín. Cụ Gái và cụ Chín không có thỏa thuận nào khác nên về nguyên tắc mỗi cụ được hưởng 1/2 giá trị tài sản tương đương 115.85m² đất.

Ông Tân Văn Ất không chấp nhận yêu cầu của ông Giáp và cho rằng: Cụ Tân Văn Chín là bố đẻ của ông đã có “Lời dặn của bố mẹ” với nội dung:

“Hôm nay ngày 22 tháng mười một năm Ất Dậu (22-12-2005) ngày giỗ con gái Tân Thị Đào, sau khi tuyên bố bằng lời nói với các con trai, con gái, bố mẹ ghi lại bằng giấy trắng, mực đen để sau này các con nhớ thực hiện:

1. Bố mẹ hiện đang sở hữu mảnh đất vườn liền kề nhà đất con trai thứ Tân Văn Ất thuộc thửa đất số 29, tờ bản đồ số 3 Quy Mông, diện tích là 236m². Nay, bố mẹ để lại 100m² phía nhà anh Nguyễn Chu Trung và anh Tân Văn Tam ra phía cổng đi cho con gái liệt sỹ Tân Thị Đào; Còn lại 136m² giao cho con trai thứ Tân Văn Ất được toàn quyền sử dụng mãi mãi.

2. Về 100m² của con gái liệt sỹ Đào: Hiện con trai Tân Văn Ất đang sử dụng, đến đầu tháng 3 âm lịch tới thì bàn giao cho anh Tân Văn Giáp, nộp hoa lợi cho bố mẹ 50.000đ. Và lấy mốc đầu tháng 3 AL hàng năm hai con bàn giao cho nhau sử dụng, nộp hoa lợi cho bố mẹ 100.000đ. Khi nào bố mẹ không còn thì hai con thay nhau thu hoa lợi và làm giỗ em Đào và được quyền lĩnh tiền chế độ thờ cúng năm đó. Sau này nếu hai con quá già yếu hoặc qua đời thì giao hẳn cho hai cháu đích tôn Tân Văn Vinh và Tân Văn Hiến sử dụng mãi mãi. Hai cháu có trách nhiệm làm giỗ cô Đào theo nghi thức cúng chay.” Cuối Lời dặn có chữ ký của cụ Tân Văn Chín, ông Tân Văn Giáp và ông Tân Văn Ất.

Xét văn bản “*Lời dặn của bố mẹ*”, HĐXX thấy rằng: Căn cứ vào nội dung và hình thức của lời dặn thì có thể xác định là bản di chúc của cụ Chín để lại. Tại Tòa án, ông Giáp, bà Mận, bà Lựu không thừa nhận có việc dặn dò, phân chia đất của bố mẹ như nội dung văn bản trên tại ngày giỗ liệt sỹ Đào. Ông Giáp không thừa nhận chữ ký của mình trong văn bản trên, chữ ký của cụ Chín cũng không đúng, cụ Gái cũng không có điểm chỉ vào văn bản trên. Về hình thức, lời dặn của bố mẹ không đảm bảo hình thức của di chúc theo quy định tại Điều 659 của Bộ luật Dân sự năm 1995. Ông Giáp và ông Ất không thể là người làm chứng để ký vào bản di chúc của cụ Chín (theo khoản 1 Điều 657 của Bộ luật Dân sự năm 1995). Mặt khác, theo kết luận giám định số 69/C54-P5 ngày 20-7-2011 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an chỉ kết luận chữ ký của cụ Chín trong Lời dặn so với chữ ký mẫu có khả năng đồng nhất chứ không khẳng định chữ ký chính xác là của cụ Chín. Sau đó, đến ngày 11-5-2009, trưởng thôn là ông Đỗ Văn Chính mới ký xác nhận di chúc của cụ Chín trước lúc đi xa có để lại cho các con là đúng, có cả chữ ký của cụ và đến ngày 27-10-2011, UBND xã Yên Thường mới ký xác nhận chữ ký của ông Chính là đúng là không đảm bảo tính trung thực, khách quan, và trực tiếp trong Lời dặn của bố mẹ. Về nội dung, cụ Chín tự mình quyết định và định đoạt toàn bộ khối tài sản 236m² đất là tài sản chung của cụ Chín và cụ Gái là vượt quá thẩm quyền. Như vậy, Lời dặn của bố mẹ không được coi là hợp pháp nên không có giá trị pháp lý. Nếu xác định Lời dặn trên là văn bản phân chia quyền sử dụng đất thì cũng không đảm bảo về hình

thức và nội dung, không được kê khai và tiến hành thủ tục sang tên theo quy định của Luật Đất đai.

Vì vậy, ông Tân Văn Giáp yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật di sản của cụ Tân Văn Chín để lại trong khối tài sản chung vợ chồng cụ Chín và cụ Gái là có căn cứ nên chấp nhận.

[2.7]. *Xác định kỹ phần thừa kế*: Như đã nhận định ở trên, cụ Chín và cụ Gái mỗi người được chia 1/2 giá trị tài sản. Song phần di sản của cụ Gái không được chia thừa kế theo di chúc cũng không được chia thừa kế theo pháp luật trong vụ án này và sẽ được giải quyết sau. Vì vậy, căn cứ hiện trạng thực tế thửa đất tranh chấp, để đảm bảo cho việc sử dụng của các bên cũng như việc chia tách thửa đất đúng theo quy định của UBND thành phố Hà Nội, HĐXX thấy cần dành một phần diện tích của thửa đất tranh chấp để tạo ngõ đi chung chạy dọc thửa đất nối liền với ngõ đi chung của xóm. Cụ thể: Tạo ngõ đi chung rộng 02 mét nối liền với ngõ đi của xóm chạy dài đến hết thửa đất có diện tích 41m² để đảm bảo các thửa đất được chia tách khi phân chia thừa kế sử dụng thuận tiện và đúng quy định. Diện tích ngõ đi chung này được trừ đi trong toàn bộ thửa đất.

Trước khi phân chia di sản của cụ Chín và cụ Gái cần phải xác định để trích trả công sức đóng góp vào việc tôn tạo, quản lý, duy trì và bảo quản di sản. HĐXX thấy rằng, theo các tài liệu chứng cứ và xác nhận của hàng xóm xung quanh và họ hàng của ông Ất thể hiện: Thửa đất trước đây là hồ bom và ao, ông Ất và sau này là vợ chồng ông Ất đã phải bỏ công sức, tiền bạc để đắp đất, san nền và quản lý toàn bộ thửa đất; đồng thời duy trì việc trồng trọt, cải tạo đất trong nhiều năm. Bản thân ông Ất đã được chính quyền địa phương ghi sổ và lập bản đồ địa chính là chủ sử dụng đất vào năm 1986; sau đó, ông Ất đã kê khai chuyển quyền sử dụng đất cho cụ Tân Văn Chín vào năm 1993-1994. Xét công sức tôn tạo, quản lý thửa đất của vợ chồng ông Ất là rất lớn nên cần trích một phần diện tích đất trong tổng diện tích thửa đất để trích trả cho ông Ất trước khi phân chia di sản thừa kế của cụ Chín và cụ Gái là có căn cứ. Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã tiến hành xem xét thẩm định lại, sau khi đo đạc lại theo chỉ dẫn mốc giới của các đương sự thì diện tích của thửa đất là 236m². Xác định cụ thể như sau: 236m² trừ diện tích ngõ đi chung 41m² còn lại chia làm ba phần bằng nhau, mỗi phần là 65m², trong đó trích trả công sức cho ông Ất = 1/3 giá trị thửa đất tương đương 65m² đất là phù hợp. Như vậy, di sản của cụ Chín và cụ Gái còn lại là 130m² đất trị giá: 130m² x 10.000.000đ/m² = 1.300.000.000 đồng; mỗi người được hưởng 65m² đất = 650.000.000 đồng. Phần di sản cụ Chín sẽ chia thừa kế theo pháp luật cho 05 thừa kế gồm: Cụ Gái, ông Giáp, ông Ất, bà Mận, bà Lựu, mỗi người được hưởng 01 kỹ phần bằng nhau tương đương 65m² : 5 = 13m² đất. Như vậy, di sản cụ Gái còn lại tổng cộng: 65m² + 13m² = 78m²; ông Ất được hưởng tổng

cộng: $65\text{m}^2 + 13\text{m}^2 = 78\text{m}^2$ tương đương 780.000.000 đồng; ông Giáp, bà Mận và bà Lựu, mỗi người được hưởng: 13m^2 đất tương đương 130.000.000 đồng. Phần di sản của cụ Gái là 78m^2 đất thuộc quyền sử dụng chung của những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Gái gồm: Ông Giáp, ông Ất, bà Mận, bà Lựu sẽ do các ông bà tự thỏa thuận phân chia hoặc khởi kiện chia thừa kế theo pháp luật bằng vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật. Phần công sức của ông Ất trong việc tôn tạo quản lý thửa đất và diện tích ngõ đi chung đã được tính trừ đi trong toàn bộ thửa đất của vụ án này.

[2.8]. *Phân chia di sản thừa kế*: Ông Giáp, ông Ất, bà Mận, bà Lựu yêu cầu được chia thừa kế di sản bằng hiện vật. Song xét kỹ phần các bên được hưởng, HĐXX thấy rằng: Ông Giáp, bà Mận, bà Lựu được chia mỗi người 13m^2 đất nên nếu chia bằng hiện vật cho từng người sẽ không đảm bảo kích thước và diện tích tối thiểu khi tách thửa theo quy định của UBND thành phố Hà Nội. Vì vậy, cần hợp nhất và giao cho ông Giáp được quyền hưởng kỹ phần thừa kế của bà Mận, bà Lựu = $13\text{m}^2 \times 2 = 26\text{m}^2$; tổng cộng, ông Giáp được chia là $13\text{m}^2 + 26\text{m}^2 = 39\text{m}^2$ đất. Ông Giáp phải thanh toán chênh lệch tài sản cho bà Mận và bà Lựu, mỗi người = 130.000.000 đồng là có căn cứ. Với diện tích 39m^2 sẽ không đảm bảo diện tích tối thiểu khi tách thửa theo quy định của UBND thành phố Hà Nội nên cần trích một phần diện tích đất của ông Ất được hưởng để chia cho ông Giáp sử dụng là phù hợp. Căn cứ hiện trạng thửa đất thì cần trích 01m^2 đất của ông Ất được chia giao cho ông Giáp sử dụng. Tổng cộng, ông Giáp được quyền sử dụng 40m^2 đất. Ông Giáp có trách nhiệm thanh toán chênh lệch cho ông Ất số tiền là: $01\text{m}^2 \times 10.000.000\text{đ}/\text{m}^2 = 10.000.000$ đồng.

[2.9]. *Trên diện tích đất tranh chấp*, cụ Chín có xây ba bức tường có tổng trị giá 231.747 đồng là tài sản chung của cụ Gái và cụ Chín nên mỗi cụ được hưởng 115.873đ. Phần của cụ Chín được chia cho cụ Gái và 04 người con, mỗi người được hưởng 23.174đ. Như vậy, phần của cụ Gái được chia là 139.047đ. Trên phần đất được chia, ông Ất được sử dụng bức tường 1.7m^2 trị giá 57.097đ; ông Giáp được sử dụng hai bức tường còn lại 2.7m^2 và 2.5m^2 trị giá 174.650đ. Xét chênh lệch giá trị tài sản, ông Giáp phải thanh toán cho bà Mận và bà Lựu, mỗi người 23.174đ. Ông Giáp được hưởng chênh lệch 105.128đ; ông Ất được hưởng chênh lệch 33.923đ; số tiền ông Giáp và ông Ất được chia chênh lệch so với kỹ phần được hưởng là di sản của cụ Gái để lại sẽ được giải quyết theo sự thỏa thuận của những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Gái hoặc khởi kiện chia thừa kế theo pháp luật bằng vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

[2.10]. Trên phần diện tích đất ông Giáp được chia có cây sưa do ông Ất trồng trị giá 480.000 đồng. Nay, giao cho ông Giáp được quyền sở hữu và phải thanh toán cho ông Ất số tiền 480.000 đồng.

[3] Về án phí dân sự:

[3.1] Anh Vinh và anh Hiền phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do không được chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

[3.2] Do ông Giáp, ông Ất, bà Mận, bà Lựu là người cao tuổi nên miễn án phí dân sự sơ thẩm, án phí dân sự phúc thẩm cho các ông bà trên theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[3.3]. Anh Vinh phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Từ những căn cứ trên không chấp nhận kháng cáo của các đương sự và giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, tuy nhiên HĐXX phúc thẩm điều chỉnh lại số đo diện tích của thửa đất theo kết quả đo đạc thẩm định lại của Tòa án cấp phúc thẩm.

Phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tại phiên tòa phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 657, Điều 659 của Bộ luật Dân sự 1995; khoản 3 Điều 652, Điều 656 của Bộ luật Dân sự 2005; Điều 609, 611, 612, 613, Điều 618, Điều 623, Điều 650, Điều 651, Điều 654, Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015. Điều 203 Luật Đất đai năm 2013. Luật hôn nhân gia đình năm 1986. Luật Thi hành án dân sự. Điều 26, khoản 1 Điều 38, Điều 147, Điều 148, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Luật Phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

I. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông Tân Văn Ất.

II. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 63/2020/DS-ST ngày 13/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội, cụ thể như sau:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Tân Văn Vinh và anh Tân Văn Hiền đối với ông Tân Văn Ất về việc yêu cầu chia thừa kế tài sản theo di chúc do cụ Nguyễn Thị Gái để lại. Xác định di chúc của cụ Nguyễn Thị Gái để lại ngày 14-12-2014 là không hợp pháp.

2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Tân Văn Giáp (là người có quyền và nghĩa vụ liên quan) đối với ông Tân Văn Ất về việc yêu cầu chia thừa kế tài sản của cụ Tân Văn Chín để lại theo pháp luật.

3. Cụ Tân Văn Chín chết năm 2007; hàng thừa kế thứ nhất của cụ Chín gồm: Cụ Nguyễn Thị Gái và 04 người con là các ông bà Tân Văn Giáp, Tân Văn Ất, Tân Thị Mận và Tân Thị Lựu. Cụ Nguyễn Thị Gái chết năm 2017; hàng thừa kế thứ nhất của cụ Gái gồm có 04 người con là các ông bà Tân Văn Giáp, Tân Văn Ất, Tân Thị Mận và Tân Thị Lựu. Bà Tân Thị Đào (là con của cụ Chín và cụ Gái) là liệt sỹ, hy sinh năm 1972 (trước khi cụ Chín và cụ Gái chết), không có chồng con nên không được hưởng thừa kế di sản của cụ Chín và cụ Gái.

4. Di sản thừa kế cụ Chín và cụ Gái gồm có: 236m² đất trị giá 2.360.000.000 đồng) thuộc thửa đất số 29, tờ bản đồ số 03, địa chỉ tại: Thôn Quy Mông, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội đã được UBND huyện Gia Lâm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp Giấy: 00327-QSĐĐ/2042 ngày 03-12-2003 đứng tên hộ gia đình ông Tân Văn Chín; ngày 11-02-2010, Phòng TNMT huyện Gia Lâm đã đính chính tên chủ sử dụng đất là bà Nguyễn Thị Gái và ông Tân Văn Chín (đã chết) và 03 bức tường trị giá: 231.747 đồng.

5. Tạo ngõ đi chung rộng 02 mét nối liền ngõ đi của xóm chạy dài đến hết thửa đất có diện tích 41m².

6. Thanh toán công sức tôn tạo, quản lý, duy trì, bảo quản di sản thừa kế cho ông Tân Văn Ất = 65m² đất.

7. Di sản của cụ Chín và cụ Gái còn lại là 130m² đất trị giá: 1.300.000.000 đồng; mỗi người được hưởng 65m² đất = 650.000.000 đồng. Phần di sản cụ Chín được chia thừa kế theo pháp luật cho: Cụ Gái, ông Giáp, ông Ất, bà Mận, bà Lựu, mỗi người được hưởng 01 kỷ phần 13m² đất. Cụ Gái được hưởng tổng cộng: 78m² đất; ông Ất được hưởng tổng cộng: 78m² đất; ông Giáp, bà Mận và bà Lựu, mỗi người được hưởng: 13m² đất.

8. Chia bằng hiện vật cụ thể như sau:

+ Tạo ngõ đi chung rộng 02 mét nối liền ngõ đi của xóm chạy dài đến hết thửa đất có diện tích 41m² có vị trí, kích thước, mốc giới được xác định bởi các điểm: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 20, 19, 18, 17, 16, 15, 1.

+ Chia cho ông Tân Văn Ất được quyền sử dụng 77m² đất có vị trí, kích thước, mốc giới được xác định bởi các điểm: 15, 16, 17, 11, 12, 13, 14, 15. Ông Ất được quyền sở hữu bức tường 1.7m² của cụ Chín để lại.

+ Chia cho ông Tân Văn Giáp được quyền sử dụng 40m² đất có vị trí, kích thước, mốc giới được xác định bởi các điểm: 17, 18, 19, 20, 10, 11, 17. Ông Giáp được quyền sở hữu hai bức tường 2.7m² và 2.5m² của cụ Chín để lại và 01 cây sưa của ông Ất.

+ Phần diện tích 78m² đất là di sản của cụ Gái thuộc quyền sử dụng chung của những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Gái gồm các ông bà Giáp, Ất, Mận,

Lựu có vị trí, kích thước, mốc giới được xác định bởi các điểm: 20, 7, 8, 9, 10, 20. Tạm giao cho ông Tân Văn Ất quản lý và sử dụng phần diện tích đất trên cho đến khi có sự thỏa thuận phân chia tài sản thừa kế của những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Gái hoặc khi có quyết định của Tòa án chia thừa kế theo pháp luật đối với diện tích đất trên. *(Có sơ đồ đo vẽ phân chia kèm theo)*

9. Ông Giáp phải thanh toán chênh lệch giá trị tài sản cho bà Mận và bà Lựu, mỗi người là: 130.023.174 đồng.

10. Ông Giáp phải thanh toán chênh lệch giá trị tài sản cho ông Ất số tiền là: 10.000.000 đồng.

11. Về án phí:

+ Anh Tân Văn Vinh và anh Tân Văn Hiền phải chịu: 47.400.000đ án phí DSST (mỗi người phải nộp 23.700.000đ). Anh Vinh và anh Hiền, mỗi người đã nộp 15.390.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự theo thứ tự các Biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0004572, 0004573 ngày 16/7/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lâm. Nay, anh Vinh và anh Hiền, mỗi người còn phải nộp tiếp số tiền là: 8.310.000đ;

+ Anh Tân Văn Vinh phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0005430 ngày 04/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lâm.

+ Miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm và dân sự phúc thẩm cho các ông bà Tân Văn Ất, Tân Văn Giáp, Tân Thị Mận và Tân Thị Lựu.

+ Trả lại cho các ông Tân Văn Ất, ông Tân Văn Giáp, bà Tân Thị Mận và bà Tân Thị Lựu mỗi người 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp tại các Biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí Tòa án của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lâm. Ông Ất nộp tại Biên lai số: 0005424 ngày 27/8/2020; bà Lựu nộp tại Biên lai số: 0005431, ông Giáp nộp tại Biên lai số: 0005432, bà Mận nộp tại Biên lai số: 0005433 cùng ngày 04/9/2020.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hà Nội;
- TAND huyện Gia Lâm;
- Chi cục THADS huyện Gia Lâm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Mai Tiến Dũng